TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/ DS-ST
Ngày 29/01/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Hải Đăng.
2. Ông Lục Viết Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh, kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2020/TLST-DS, ngày 02 tháng 11 năm 2020. Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-DS, ngày 13/01/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị D, sinh năm 1973 (có mặt)
Địa chỉ: Bản M, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1974 (vắng mặt)
Anh Vi Văn H, sinh năm 1972 (vắng mặt)
Địa chỉ: Bản T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1970 anh H ủy quyền cho chị Vũ Thị D, s năm 1973 (Chị D có mặt)
Địa chỉ: Bản M, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tiếp theo Vũ Thị D trình bầy: Vợ chồng chị và vợ chồng chị T, anh H là chỗ quen biết nhau, vào ngày 24/7/2012 vợ chồng anh H, chị T có vay của vợ chồng chị số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) để làm ván bóc và buôn bán gỗ. Lãi xuất thỏa thuận 1%/1 tháng, hẹn đến ngày 29/12/2015 trả hết số tiền trên. Đến hẹn vợ chồng chị T, anh H làm ăn buôn bán thua lỗ không có tiền trả

cho chị, vợ chồng chị T, anh H có viết giấy khất nợ hẹn đến ngày 01/6/2016 trả 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) số tiền 270.000.000đ (Hai trăm bẩy mươi triệu đồng) cứ 6 tháng trả 30.000.000đ cho đến khi trả hết nợ thì thôi. Nhưng đến hạn trả tiền ngày 01/6/2016 chị T, anh H, không thanh toán trả tiền cho chị theo thỏa thuận. Chị đã đến đòi nhiều lần nhưng chị T, anh H khất lần không trả. Nay chị và anh H chồng chị yêu cầu chị T, anh H phải trả cho vợ chồng chị số t gốc là 300.000.000đ (ba trăm triệu) tiền lãi chị không yêu cầu, về tiền lãi chậm trả giai đoạn thi hành án chị yêu cầu tính theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải của anh Vi Văn H trình bầy: Anh là chồng chị T, việc chị D, anh H cho chị T là vợ anh vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) như thế nào ban đầu anh không biết cho đến ngày 29/12/2015 khi chị T không trả được tiền cho chị D, chị D đến nhà anh đòi tiền lúc đó anh mới biết chị T vay tiền của chị D, anh H về để làm ăn, vì từ trước đến nay việc vay mượn tiền nong làm ăn đều do vợ anh vay mượn nên anh không nắm được. Chị T bảo vay của vợ chồng chị D, anh H số t 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) nay không có trả. Vì vậy ngày 29/12/2015 vợ chồng anh có viết giấy khất nợ và hẹn đến ngày 01/6/2016 sẽ trả vợ chồng chị D, anh H số t 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), và chịu lãi theo lãi xuất 1%/1 tháng. Số tiền còn lại cứ 6 tháng trả 30.000.000đ cho đến khi trả hết nợ. Đến hẹn trả nợ do vợ chồng anh làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả cho chị D theo thỏa thuận được. Nhưng nay chị T vợ anh do làm ăn thua lỗ tháng 6/2018 chị T đã bỏ nhà đi làm ăn ở đâu anh không rõ. Từ đó đến nay chị T không về, anh có liên lạc nhưng chị T không nghe máy, chị T chỉ liên lạc với các con anh. Anh nghe các con nói lại là đã gọi điện thông báo cho chị T biết việc chị D kiện đòi tiền, nhưng chị T nói đang làm ăn ở xa không về được. Về số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), vợ chồng anh vay của chị D, anh H. Anh xác định đây là nợ chung của vợ chồng nên vợ chồng anh xin chịu trách nhiệm trả nợ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án triệu tập chị T nhưng chị T không đến Tòa án, Qua xác minh tại địa phương cũng như lời khai của anh H thì chị T đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Việc chị T hiện nay ở đâu địa phương không nắm được. Tòa án làm công văn gửi cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an; xác định chị Phạm Thị T không xuất cảnh ra nước ngoài, do đó không có căn cứ xác định chị T xuất cảnh ra nước ngoài. Tòa án đã niêm yết các văn bản cũng như đăng thông báo tìm kiếm chị T trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay chị T không về giải quyết vụ kiện. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

+ ***Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp

luật của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn chị T, anh H chưa chấp hành đúng các quy định không đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. không đến tham gia phiên tòa.

+ ***Về hướng giải quyết:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Vũ Thị D và anh Nguyễn Văn H buộc anh Vi Văn H và chị Phạm Thị T phải có trách nhiệm trả cho chị Vũ Thị D và anh Nguyễn Văn H số t tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)

Về tiền lãi chị D, anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về t tiền lãi chậm trả giai đoạn thi hành án, áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Yêu cầu của chị D được chấp nhận nên chị D không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả chị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị T phải chịu 7.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh H thuộc đối tượng người dân tộc sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn được miễn tiền án phí.

Chi phí đăng thông báo tìm kiếm chị T theo quy định, chị D đã nộp và thanh toán xong với chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà.

Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị D khởi kiện đòi tiền chị T, anh H vay xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" chị T, anh H có hộ khẩu thường trú tại xã Đồng Tiến, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Chị T vắng mặt không đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử. Tòa án đã niêm yết văn bản, đăng thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng chị T không có mặt. HĐXX căn cứ khoản 1, điều 207; điểm b, khoản 2, điều 227; của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt chị Phạm Thị T, anh H.

[2] Về nội dung: Do có mối quan hệ quen biết nhau giữa chị D và vợ chồng anh H, chị T vào năm 2012 chị T, anh H có vay của chị D, anh H số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) để làm ăn, buôn bán gỗ, nhưng do làm ăn thua lỗ không trả được nên ngày 19/12/2015 chị T, anh H có viết giấy khất nợ xin trả dần cứ 6 tháng sẽ trả chị D, anh H số tiền là 30.000.000đ cho đến khi trả hết nợ thì thôi, nhưng đến hẹn ngày 01/6/2016 chị T, anh H không trả được tiền cho chị D, anh H. Chị D, anh H liên tục đến đòi tiền nhưng chị T, anh H hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không trả được đồng

nào cả. Nay chị D không cho khất nợ nữa mà yêu cầu chị T, anh H phải trả anh, chị số tiền vay là 300.000.000đ. (ba trăm triệu đồng), tiền lãi không yêu cầu. Xét thấy tại phiên tòa hôm nay mặc dù chị T, anh H đều vắng mặt. Nhưng qua lời khai, các biên bản hòa giải anh H thừa nhận có vay của vợ chồng chị D số tiền trên để làm ăn buôn bán nhưng do làm ăn thua lỗ chưa có tiền trả. Cần buộc chị T, anh H phải có trách nhiệm trả chị D, anh H số tiền vay là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), về tiền lãi chị D, anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

Về tiền án phí, yêu cầu của chị D được chấp nhận nên chị D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị T phải chịu 7.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh H thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số s sống tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật: Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điểm b, khoản 2, điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463; Điều 466; khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự; điểm đ, khoản 1 điều 12, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giam, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về nội dung: Xử buộc anh Vi Văn H và chị Phạm Thị T phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn H, chị Vũ Thị D số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

3. Về lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về tiền án phí.

- Chị Phạm Thị T phải chịu 7.500.000 đồng (bẩy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn tiền án phí dân sự cho anh Vi Văn H.

- Hoàn trả chị Vũ Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ theo biên lai thu tiền số 0004520, ngày 02/11/2020, do chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- THA huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Vân Anh